

## DANH SÁCH

**Gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” tại thôn Đăk Xi Na năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /11 /2025 của Ủy ban nhân dân xã Xốp)

| STT | Tên hộ gia đình | Địa chỉ        |
|-----|-----------------|----------------|
| 1   | DƯƠNG BÁ ĐẠT    | Thôn Đăk Xi Na |
| 2   | A CÚ            | Thôn Đăk Xi Na |
| 3   | A ĐOAI          | Thôn Đăk Xi Na |
| 4   | A THỨC          | Thôn Đăk Xi Na |
| 5   | A NHUM          | Thôn Đăk Xi Na |
| 6   | A RỖ            | Thôn Đăk Xi Na |
| 7   | A TÍP           | Thôn Đăk Xi Na |
| 8   | A NGÔI          | Thôn Đăk Xi Na |
| 9   | A NÍU           | Thôn Đăk Xi Na |
| 10  | A PỜM           | Thôn Đăk Xi Na |
| 11  | A NHIM          | Thôn Đăk Xi Na |
| 12  | A HÍU           | Thôn Đăk Xi Na |
| 13  | A NI            | Thôn Đăk Xi Na |
| 14  | A BỜM           | Thôn Đăk Xi Na |
| 15  | A VƯ            | Thôn Đăk Xi Na |
| 16  | A GIẾNG         | Thôn Đăk Xi Na |
| 17  | A NUỜN          | Thôn Đăk Xi Na |
| 18  | A DƯA           | Thôn Đăk Xi Na |
| 19  | A PHỬA          | Thôn Đăk Xi Na |
| 20  | A PHUỐT         | Thôn Đăk Xi Na |
| 21  | A TỐI           | Thôn Đăk Xi Na |
| 22  | A BỬA           | Thôn Đăk Xi Na |
| 23  | A NHÍU          | Thôn Đăk Xi Na |
| 24  | Y CHỐI          | Thôn Đăk Xi Na |
| 25  | A NỜ            | Thôn Đăk Xi Na |

|    |                 |                |
|----|-----------------|----------------|
| 26 | A VÍ            | Thôn Đăk Xi Na |
| 27 | LƯƠNG VĂN ĐẠI   | Thôn Đăk Xi Na |
| 28 | A ĐÉT           | Thôn Đăk Xi Na |
| 29 | A MEM           | Thôn Đăk Xi Na |
| 30 | A NHIN (a)      | Thôn Đăk Xi Na |
| 31 | Y YA            | Thôn Đăk Xi Na |
| 32 | Y XÉT           | Thôn Đăk Xi Na |
| 33 | A DU            | Thôn Đăk Xi Na |
| 34 | A GOI           | Thôn Đăk Xi Na |
| 35 | A KHOAI         | Thôn Đăk Xi Na |
| 36 | A NU'           | Thôn Đăk Xi Na |
| 37 | DƯƠNG MẠNH KHA  | Thôn Đăk Xi Na |
| 38 | A PÍU           | Thôn Đăk Xi Na |
| 39 | A ĐUỐI          | Thôn Đăk Xi Na |
| 40 | A VĨNH          | Thôn Đăk Xi Na |
| 41 | HOÀNG VĂN TUYÊN | Thôn Đăk Xi Na |
| 42 | A RÉP           | Thôn Đăk Xi Na |
| 43 | A NHIN (b)      | Thôn Đăk Xi Na |
| 44 | A HỮU           | Thôn Đăk Xi Na |
| 45 | A NỐM           | Thôn Đăk Xi Na |
| 46 | A SƠN           | Thôn Đăk Xi Na |
| 47 | A NHƯ'          | Thôn Đăk Xi Na |
| 48 | Y THUỖN         | Thôn Đăk Xi Na |
| 49 | A TRẦN          | Thôn Đăk Xi Na |
| 50 | A HIA           | Thôn Đăk Xi Na |
| 51 | A ĐÚA           | Thôn Đăk Xi Na |
| 52 | A ĐOM           | Thôn Đăk Xi Na |
| 53 | A ĐÍ            | Thôn Đăk Xi Na |
| 54 | Y KÍT           | Thôn Đăk Xi Na |

|    |              |                |
|----|--------------|----------------|
| 55 | A RUỒI       | Thôn Đăk Xi Na |
| 56 | A CỒN        | Thôn Đăk Xi Na |
| 57 | A CÚC        | Thôn Đăk Xi Na |
| 58 | A XÃ         | Thôn Đăk Xi Na |
| 59 | A ĐIỀU       | Thôn Đăk Xi Na |
| 60 | A PHỐT       | Thôn Đăk Xi Na |
| 61 | A NGHÍA      | Thôn Đăk Xi Na |
| 62 | A NGHIỄU     | Thôn Đăk Xi Na |
| 63 | A CỨU        | Thôn Đăk Xi Na |
| 64 | A LƯỢC       | Thôn Đăk Xi Na |
| 65 | A BRANH      | Thôn Đăk Xi Na |
| 66 | A PHONG      | Thôn Đăk Xi Na |
| 67 | A NẮP        | Thôn Đăk Xi Na |
| 68 | Y BANH       | Thôn Đăk Xi Na |
| 69 | A THẢO       | Thôn Đăk Xi Na |
| 70 | A ĐÓI        | Thôn Đăk Xi Na |
| 71 | A DON        | Thôn Đăk Xi Na |
| 72 | A ĐẾP        | Thôn Đăk Xi Na |
| 73 | A DA         | Thôn Đăk Xi Na |
| 74 | A ĐƯA        | Thôn Đăk Xi Na |
| 75 | A TƯ         | Thôn Đăk Xi Na |
| 76 | A THẮC       | Thôn Đăk Xi Na |
| 77 | A NUÔI       | Thôn Đăk Xi Na |
| 78 | A QUÁ        | Thôn Đăk Xi Na |
| 79 | A PÍA        | Thôn Đăk Xi Na |
| 80 | A DIU        | Thôn Đăk Xi Na |
| 81 | ĐINH VĂN PHỈ | Thôn Đăk Xi Na |
| 82 | A GIÁO       | Thôn Đăk Xi Na |
| 83 | A RIẾP       | Thôn Đăk Xi Na |

|     |            |                |
|-----|------------|----------------|
| 84  | A DEM      | Thôn Đăk Xi Na |
| 85  | A ĐÀO      | Thôn Đăk Xi Na |
| 86  | A ROÁP     | Thôn Đăk Xi Na |
| 87  | A CHUỐC    | Thôn Đăk Xi Na |
| 88  | A NGỐT     | Thôn Đăk Xi Na |
| 89  | A RIẾT     | Thôn Đăk Xi Na |
| 90  | A THA      | Thôn Đăk Xi Na |
| 91  | A NHÔN     | Thôn Đăk Xi Na |
| 92  | A DƯƠNG    | Thôn Đăk Xi Na |
| 93  | A TẾP      | Thôn Đăk Xi Na |
| 94  | A NIM      | Thôn Đăk Xi Na |
| 95  | A BỬA (b)  | Thôn Đăk Xi Na |
| 96  | Y MÊM      | Thôn Đăk Xi Na |
| 97  | A LỀ       | Thôn Đăk Xi Na |
| 98  | A COÁP     | Thôn Đăk Xi Na |
| 99  | A NGO      | Thôn Đăk Xi Na |
| 100 | A LONG     | Thôn Đăk Xi Na |
| 101 | VI VĂN QUÝ | Thôn Đăk Xi Na |

Tổng số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025: **101 hộ gia đình.**

